

## TỔNG QUAN VỀ SÁCH *TAM TỔ THỰC LỤC*

PHẠM MINH ĐỨC\*

*Tóm tắt:* *Tam tổ thực lục* là cuốn sách rất quan trọng của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử. Cuốn sách ghi về cuộc đời, sự nghiệp của ba vị Tổ sư dòng thiền này là Phật hoàng Trần Nhân Tông, đệ nhị tổ Pháp Loa, đệ tam tổ Huyền Quang. Bài viết khảo cứu về văn bản học và phân tích những giá trị nội dung của tác phẩm, đồng thời nêu bật tầm ảnh hưởng của tác phẩm đối với nhiều lĩnh vực khác. *Tam tổ thực lục* là cuốn sách mang đậm nét Phật giáo, nhưng trong tác phẩm chúng ta còn bắt gặp những điển tích, nhân vật, đoạn văn... liên quan đến Nho giáo và Đạo giáo, đây là điều rất thú vị. Điều đặc biệt là cuốn sách không chỉ có giá trị về mặt tôn giáo, mà nó còn mang giá trị trên nhiều lĩnh vực khác như: văn học, sử học, giáo dục...

*Từ khoá:* Tam tổ, Phật giáo, Trúc Lâm Yên Tử, thực lục

*Abstract:* *Tam to thuc luc* is a very important book of the Truc Lam Yen Tu Zen sect. The book records the lives and accomplishments of the three founders of this Zen sect: Emperor Tran Nhan Tong, the second patriarch Phap Loa, and the third patriarch Huyen Quang. The article analyzes the content values of the work, while also highlighting the influence of the work on many other fields. *Tam to thuc luc* is a book with bold Buddhist features, but in the work we also encounter classic stories, characters, passages... that related to Confucianism and Taoism, this is very interesting. Special thing is that the book is not only valuable in terms of religion, but it also has value in many other fields such as literature, history, education...

*Keywords:* Three Patriarchs, Buddhism, Truc Lam Yen Tu, Annals

### Dẫn nhập

*Tam tổ thực lục* 三祖實錄 là cuốn sách rất quan trọng của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung. Đây là cuốn sách ghi đầy đủ về cuộc đời, hành trạng của ba vị Tổ sư: Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang. Sách *Tam tổ thực lục* có rất nhiều giá trị trên các phương diện: tư tưởng, tôn giáo, lịch sử, văn học, giáo dục... Cuốn sách có số phận khác thường, trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử. Phải có sự tâm huyết dụng công của nhiều bậc cao tăng

hiền sĩ mới lưu truyền được đến ngày nay. Sách có nội dung hấp dẫn, ghi lại nhiều sự kiện quan trọng liên quan đến Tam tổ Trúc Lâm Yên Tử. Đâu đó xuất hiện những ngôi chùa, tháp nổi tiếng được xây dựng vào thời Lý - Trần cùng không gian văn hoá Phật giáo rục rờ từ trung ương đến địa phương. Sách *Tam tổ thực lục* không chỉ nổi tiếng trong hoạt động tôn giáo mà có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội nước ta. Sách được nhiều danh sĩ và chư vị hoà thượng quan tâm, làm thơ viết văn

\* ThS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

để bàn luận và cho khắc in để lưu truyền rộng rãi. Cho đến ngày hôm nay sức lan toả của cuốn sách vẫn còn rất lớn, có nhiều học giả quan tâm nghiên cứu, dịch thuật và giảng giải tác phẩm này.

### 1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

Vào thế kỷ XVII khi mà các tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh, Nguyễn còn phân tranh quyền lực thì đạo Phật nước ta dần hưng thịnh trở lại. Lúc này Thiền phái Lâm Tế và Tào Động từ Trung Quốc cũng được truyền bá vào Đại Việt, điều đó đã tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển mạnh mẽ. Trong thời gian đó, các ngôi chùa đóng vai trò rất quan trọng, đây là nơi tổ chức sinh hoạt tôn giáo, đồng thời cũng là nơi tàng trữ nhiều kinh sách có giá trị, trong đó các chùa lớn còn là nơi in ấn các kinh sách của Phật giáo. Đến cuối thế kỉ thứ XVII, việc in ấn kinh sách ngày càng phát triển, đặc biệt là ở miền Bắc. Người có công lao lớn trong việc san khắc trong giai đoạn này phải kể đến Thiền sư Chân Nguyên của phái Lâm Tế. Ông đã cho san khắc, in ấn rất nhiều kinh sách, trong đó có các tác phẩm của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử, như: *Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục* 慧忠上士語錄, *Thánh đăng ngữ lục* 聖燈語錄... điều này đã góp phần vào việc hoằng dương Phật pháp và làm tiền đề cho sự phát triển san khắc kinh sách về sau. Sang thế kỉ XVIII, đây là thời kỳ thịnh trị của văn hoá Phật giáo thời Lê Trung hưng ở nước ta. Thời kỳ này phong trào san khắc kinh sách diễn ra rất sôi nổi, các chùa lớn ở miền Bắc đều có ván khắc, đây cũng là nét đặc sắc của Phật giáo thời Lê Trung hưng. Trong không gian văn hoá tôn giáo đó, năm Cảnh Hưng thứ 26 (1765),

Thiền sư Tính Quảng đứng ra tổ chức việc in ấn nhiều cuốn sách Phật giáo có giá trị, trong đó có sách *Tam tổ thực lục*, đồng thời ông cũng là người viết bài *Tựa* cho cuốn sách này. Bản khắc in sách *Tam tổ thực lục* năm 1765 cũng là bản khắc in sớm nhất hiện còn đến ngày nay.

### 2. Tác giả của tác phẩm

Về nguồn gốc của sách *Tam tổ thực lục*, Thiền sư Tính Quảng đã viết rõ trong bài *Tựa* ở bản in năm Cảnh Hưng thứ 26 (1765): “Có ba tổ đời Trần, lớp bậc truyền đèn, ngữ lục thành sách, được liệt vào kho thư tịch, để làm gương cho trời và người, nhưng ván khắc lưu truyền đã lâu rồi. Than ôi! Vận có hung phước, pháp thường thịnh suy. Lúc ấy bộ ván chính đã hỏng nát, lâu thành thất truyền, may còn bản cũ *Thánh đăng lục* trích ra, cùng lược sao bia cổ chùa Hương Hải, phía sau in phụ *Thiền đạo yếu học* để tiện theo dõi. Rồi cùng *Bản hạnh* của vị tổ nổi phái Trúc Lâm biên tập thành một sách, đầu cuối ngôn ngữ trọn vẹn vậy”<sup>1</sup>. Như thế có thể thấy rằng sách *Tam tổ thực lục* thực chất là sự tập hợp của nhiều nguồn tư liệu khác nhau như bài tựa đã nêu. Phần đầu sách ghi về Đệ nhất tổ Trần Nhân Tông thì “Thiền sư Tính Quảng sử dụng bản *Thánh đăng lục* do Thiền sư Chân Nghiêm đời Mạc trùng san”<sup>2</sup>. Phần thứ hai ghi về Đệ nhị tổ Pháp Loa thì Thiền sư Tính Quảng dựa vào tấm bia chùa Hương Hải ở thành phố Chí Linh tỉnh Hải Dương, tấm bia do các đệ tử của Pháp Loa soạn. Phần thứ ba *Thiền đạo yếu học* ghi ở sau phần Đệ nhị tổ Pháp Loa không khi rõ tên tác giả, nhưng nhiều học giả cho rằng đó là tác phẩm của Pháp Loa. Phần thứ tư ghi về Đệ

tam tổ Huyền Quang thì sử dụng *Tổ gia thực lục* nhưng không ghi rõ xuất xứ tư liệu.

Từ đây Nguyễn Huệ Chi cũng đưa ra một nhận xét: “Thế nghĩa là bộ sách *Tam tổ thực lục* hiện nay chỉ là một bộ sách mới, được chính thức khai sinh từ năm 1765 với công sức của các nhà sư Quảng Điền, Hải Lượng và một số người khác, để thay thế cho một bộ *Tam tổ thực lục* đời Trần đã thất truyền”<sup>3</sup>. Trong bài viết *Lịch trình tiếp nhận Tam tổ thực lục*, Nguyễn Hữu Sơn cũng cho rằng: “Sách *Tam tổ thực lục* là tác phẩm khuyết danh. Qua quá trình truyền bản, đại khái biết rằng sách *Tam tổ thực lục* được nhà sư Quảng Điền và Hải Lượng dựa vào các tư liệu có từ đời Trần biên soạn lại rồi cho khắc in vào năm Cảnh Hưng thứ 26 (1765) rồi được nhiều chùa cho khắc in lại. Sách *Tam tổ thực lục* chỉ viết về ba vị tổ Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (Điều Ngự Trần Nhân Tông, Pháp Loa Đồng Kiên Cương và Huyền Quang Lý Đạo Tái) nhưng cũng rất khó xác định tác giả. Chỉ biết chắc chắn tác phẩm cũng là những mảnh ghép tiểu truyện ba vị sư tổ và có kiểu “tác giả truyền thừa, với nhiều người viết, nhiều thế hệ biên soạn, kết tập khác nhau”<sup>4</sup>. Như vậy có thể coi Thiền sư Tính Quảng và Hải Lượng là những người có công thu thập tài liệu và biên tập thành sách ở bản in năm Cảnh Hưng thứ 26 (1765), còn các tác giả cụ thể thì đến nay vẫn chưa xác định được rõ ràng.

### 3. Quá trình truyền bản

Sách *Tam tổ thực lục* đã có bốn lần khắc in quan trọng còn lưu truyền đến ngày nay, đó là vào các năm: Cảnh Hưng thứ 26 (1765), Thành Thái thứ 9 (1897), Thành Thái thứ 15 (1903), Bảo Đại thứ 18 (1943).

- Bản in năm Cảnh Hưng thứ 26 (1765)

Bản này do Thiền sư Tính Quảng chủ trì việc khắc in và viết bài *Tựa*, trụ trì chùa Bồ Đà là Hải Lượng khắc in, ván in của bản này được lưu giữ ở chùa Lân (Long Động) núi Yên Tử. Bản này không biết in bao nhiêu bản, nhưng hiện nay còn lưu giữ được hai bản: Bản thứ nhất lưu ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm kí hiệu A.786, bản thứ hai được lưu ở chùa Linh Ứng (chùa Hói) huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương. Cả hai bản này đều bị rách một số chữ ở các trang khác nhau.

- Bản in năm Thành Thái thứ 9 (1897)

Bản này được in ở bộ ván khắc chùa Pháp Vũ thôn Quảng Nội xã Quyết Thắng huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương. Sách do Tỳ kheo Diệu Trạm chủ trương và viết bài *Tựa*, Sa môn Thanh Cừ, Thanh Vân khắc in. Đợt in này cũng không biết in bao nhiêu bản, nhưng hiện còn ba bản nguyên vẹn. Bản này phần nội dung chính ghi về Tam tổ cơ bản là giống bản in năm Cảnh Hưng thứ 26 (1765), chỉ khác một số chữ và một số dạng chữ do Tỳ kheo Diệu Trạm hiệu đính để cho thống nhất và dễ đọc hơn. Bản này không khắc lại bài *Tựa* của bản in năm Cảnh Hưng, Tỳ kheo Diệu Trạm đã viết bài *Tựa* mới. Bản này cũng bỏ đi phần *Ngữ lục kí danh* 語錄記名 của bản trước.

- Bản in năm Thành Thái thứ 15 (1903)

Hiện còn một bản lưu ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Sách có bài *Tiểu dẫn* của nhà sư Thanh Hường. Bản này phần nội dung chính ghi về Tam tổ giống bản in năm Thành Thái thứ 9 (1897), nhưng bản này có khắc thêm phần *Tuệ trung thượng sĩ ngữ lục* và bài *Huyền Quang hành giải* 玄光行解 của Ngô gia văn phái.

- Bản in năm Bảo Đại thứ 18 (1943)

Bản in này nằm trong bộ *Việt Nam Phật điển tùng san* do Tổng hội Phật giáo phát hành. Bản này cơ bản giống bản in năm Thành Thái thứ 15 (1903), có lẽ lần khắc in này dùng lại ván khắc cũ.

Ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm hiện còn lưu giữ được đầy đủ các văn bản sách *Tam tổ thực lục* qua bốn lần in khác. Các văn bản có kí hiệu, niên đại, số trang, kích thước như sau:

**Bảng khảo sát các văn bản hiện tồn**

STT	Ký hiệu	Trang	Năm định bản	Khổ	Ghi chú
1.	A.786	129	Cảnh Hưng thứ 26 (1765)	17x29	A
2.	A.2064	129	Thành Thái thứ 9 (1897)	16x27	B
3.	A.2048	231	Thành Thái thứ 15 (1903)	16x27	C
4.	A.1800/8	231	Bảo Đại thứ 18 (1943)	16x27	D

#### 4. Đối chiếu so sánh và khảo dị các dị bản

Chúng tôi quy ước: Bản A.786 là bản A, bản A.2064 là bản B, bản A.2048 là bản C, bản A.1800/8 là bản D. Qua đó cho thấy giữa bản A và bản B, C, D của sách có khá

nhiều chữ được viết theo dạng khác nhau, có chỗ dùng chữ khác, cũng có chỗ dùng chữ phồn thể để thay cho chữ giản thể hoặc tục tự.

##### 4.1. Những chữ khác biệt giữa bản A và bản B, C, D

Stt	Bản A	Bản B	Bản C	Bản D	Trang (theo bản A)	Thay đổi nghĩa
1	大(đại)	敷(phu)	敷(phu)	敷(phu)	8	Không
2	卜(bốc)	立(lập)	立(lập)	立(lập)	9	Có
3	哭(khóc)	泣(khấp)	泣(khấp)	泣(khấp)	24	Không
4	密(mật)	安(an)	安(an)	安(an)	32	Không
5	問(gian)	聞(văn)	聞(văn)	聞(văn)	33	Có
6	赴(phó)	臥(ngoạ)	臥(ngoạ)	臥(ngoạ)	46	Có
7	製(chế)	御(ngự)	御(ngự)	御(ngự)	60	Có
8	倆(nhĩ)	汝(nhữ)	汝(nhữ)	汝(nhữ)	16, 64	Không
9	拔(bạt)	援(viện)	援(viện)	援(viện)	97	Có
10	問(vấn)	開(khai)	開(khai)	開(khai)	102	Có
11	耆言(chư)	讀(độc)	讀(độc)	讀(độc)	118	Có
12	問(gian)	問(vấn)	問(vấn)	問(vấn)	60	Có
13	岐(ki)	其(ki)	其(ki)	其(ki)	47	Có
14	復(phục)	服(phục)	服(phục)	服(phục)	58	Có
15	證(chứng)	症(chứng)	症(chứng)	症(chứng)	58,59	Có

Từ đây có thể đưa ra kết luận là: Bản B khắc theo bản A nhưng có sửa một số chữ. Sự sai khác này hoàn toàn là có dụng ý chứ không phải do nhầm lẫn. Có những chữ bản B cố tình dùng chữ khác, ví dụ như: 大 (đại) → 敷 (phu), 卜 (bốc) → 立 (lập), ... Có những chữ do bản A khắc sai nên bản B chỉnh lại, ví dụ như: 岐 (kì) → 其 (kì), 證 (chứng) → 症 (chứng)... Đây là dụng ý của Tỳ kheo Diệu Trạng trong việc hiệu đính sách vào năm Thành Thái thứ 9 (1897), điều này được Tỳ kheo viết rõ trong lời tựa sách: “Nhưng sách này trải qua nhiều đời, từ triều Trần cho tới Hậu Lê,

mà nay còn sót lại, dạng chữ phần nhiều sai lầm, tôi không ngại vụng về kém cỏi đem ra hiệu chỉnh, rồi thuê người viết lại bản mới, miễn cưỡng chám câu để tiện khi đọc. Những chỗ thất thoát cần bổ chỉnh thì chừa thêm chữ bên cạnh”<sup>5</sup>. Còn bản C và D khắc theo bản B không có sự chỉnh sửa nào, cho nên các chữ không có sự khác biệt. Sự hiệu đính của Tỳ kheo Diệu Trạng không chỉ làm thay đổi một số chữ trong bản A, mà còn thay đổi dạng chữ của vài chục chữ trong văn bản.

**4.2. Những chữ dị thể giữa bản A và bản B, C, D**

STT	Bản A	Bản B	Bản C	Bản D	Trang (theo bản A)	Phiên âm
1	塔	塔	塔	塔	6 (2),52,55(2),60 (2)	Tháp
2	献	獻	獻	獻	6	Hiển
3	花	華	華	華	7,13,14,15(2),16,19,24,46 (3),51,118	Hoa
4	床	牀	牀	牀	10,36,67	Sàng
6	囑	屬	屬	屬	16	Chúc
7	間	閒	閒	閒	23,33,57(2),59(3),77,86(2), 93,96,99,103,119,120	Gian
8	燃	然	然	然	30,44,55	Nhiên
9	昼	晝	晝	晝	39,44,52	Trú
10	飢	饑	饑	饑	45	Cơ
11	辞	辭	辭	辭	70	Từ
12	覓	覓	覓	覓	71	Mịch
13	賓	賓	賓	賓	78,103	Tân
14	龟	龜	龜	龜	18, 78	Quý
15	迨	逮	逮	逮	80	Đãi
16	誉	譽	譽	譽	80	Dự
17	粮	糧	糧	糧	86	Lương
18	却	卻	卻	卻	11,20,24,66, 72,97,102,103,113	Khước
19	怪	怪	怪	怪	7,94	Quái
20	塩	鹽	鹽	鹽	18	Diêm
21	脚	腳	腳	腳	22	Cước
22	劔	劍	劍	劍	31	Kiểm
23	賤	職	職	職	42	Chức
24	阡	千	千	千	44	Thiên
25	𠂔令	齡	齡	齡	46	Linh
26	留	畱	畱	畱	51(2),97,115	Lưu

27	答	答	答	答	58,60	Đáp
28	挽	輓	輓	輓	60	Vãn
29	尔	爾	爾	爾	64	Nhĩ
30	蒸	熱	熱	熱	67,68,69	Nhiệt
31	顯	顯	顯	顯	71	Hiển
32	開	關	關	關	78 (2)	Quan
33	遍	徧	徧	徧	99	Biển
34	歿	沒	沒	沒	110	Một
35	憫	愍	愍	愍	111	Mẫn
36	伴	絆	絆	絆	120	Bạn
37	物	勿	勿	勿	22	Vật
38	寫	為	為	為	112	Vi
39	普	普	普	普	26, 31 (2), 40	Phổ
40	譜	譜	譜	譜	31	Phả
41	柵	柵	柵	柵	31, 32	Sách
42	異	異	異	異	31	Dị
43	學	學	學	學	37, 39	Học
44	藥	藥	藥	藥	43	Nhuỵ

Tỳ kheo Diệu Trạng đã chỉnh sửa những chữ giản thể và tục tự trong bản A để thành những chữ phồn thể trong bản B: 花 (hoa) → 華, 龟 (qui) → 龜, 辞 (từ) → 辭, 學 → 學... Nhờ có sự chỉnh sửa này mà chữ viết ở bản B, C, D có sự thống nhất, các chữ viết thống nhất với nhau từ đầu đến cuối tác phẩm. Còn bản A thì người viết tùy tiện hơn, có nhiều chữ được viết với nhiều dạng khác nhau trong tác phẩm: Chỗ dùng chữ *hoa* (花) chỗ lại dùng chữ *hoa* (華), chỗ dùng chữ *nhĩ* (尔) chỗ lại dùng chữ *nhĩ* (爾)... Điều ấy cho thấy người viết chữ ở bản A không chú trọng đến việc thống nhất dạng chữ.

### 5. Kết cấu nội dung của tác phẩm

Nội dung sách *Tam tổ thực lục* được chia làm ba phần rõ rệt: Phần thứ nhất ghi về Đệ nhất tổ Trần Nhân Tông, phần thứ hai ghi về Đệ nhị tổ Pháp Loa, phần thứ ba ghi về Đệ tam tổ Huyền Quang. Ba phần này là ba câu chuyện khác nhau ghi về xuất thân và hành trạng của ba nhân vật. Ba câu

chuyện cũng được sử dụng bút pháp nghệ thuật khác nhau: câu chuyện thứ nhất sử dụng phương pháp đối đáp ngũ lục, câu chuyện thứ hai sử dụng phương pháp sử biên niên, câu chuyện thứ ba sử dụng phương pháp văn xuôi tiêu sử. Sự khác nhau này là do sách *Tam tổ thực lục* tập hợp từ ba nguồn tư liệu khác nhau, tuy nhiên xét trong mỗi câu chuyện cụ thể thì nó lại có những điểm chung. Xét về bố cục câu chuyện, thì có thể chia mỗi truyện ra làm ba giai đoạn: Sự ra đời của Tổ, công tích hành trạng của Tổ, quá trình viên tịch của Tổ. Đây cũng là đặc điểm chung của các câu chuyện về các thiền sư. Tóm lại, có thể nói rằng các câu chuyện trong tác phẩm tuy có sự khác biệt về bút pháp biên soạn, nhưng nó lại giống nhau về nội dung. Ba câu chuyện trong tác phẩm tuy là những câu chuyện riêng lẻ về ba vị hòa thượng, nhưng chúng lại thống nhất với nhau về mặt tư tưởng, bởi lẽ các nhân vật chính trong tác phẩm đều là của Phật giáo Trúc

Lâm Yên Tử. Trong câu chuyện ghi về Phật hoàng Trần Nhân Tông chúng ta cũng thấy bóng dáng của Hoà thượng Pháp Loa, trong câu chuyện ghi về Hoà thượng Pháp Loa thì cũng thấy hình bóng của Phật hoàng Trần Nhân Tông và Hoà thượng Huyền Quang, và trong câu chuyện ghi về Tam tổ Huyền Quang thì cũng có nhắc đến Phật hoàng Trần Nhân Tông và Hoà thượng Pháp Loa. Chính vì vậy mà tác phẩm tuy là sự tổng hợp của nhiều nguồn tư liệu khác nhau, song chúng vẫn có sự liên kết thông qua giá trị tư tưởng của tác phẩm thuộc Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử và quan hệ chặt chẽ giữa các nhân vật trong tác phẩm.

## 6. Giá trị của tác phẩm

### 6.1. Giá trị tư tưởng của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử

Tư tưởng của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử trong tác phẩm được thể hiện chủ yếu ở các khía cạnh sau:

#### + Tư tưởng trọng dân

Tư tưởng này trong Phật giáo Trúc Lâm có từ những thời trước. Vua Trần Thái Tông không ít lần nói đến vấn đề này: “Trăm muôn ra ngoài chơi để lắng nghe tiếng nói của dân, xem xét lòng dân, ngõ hầu biết được mọi khó khăn của công việc”<sup>6</sup>. Tư tưởng trọng dân cũng được thể hiện ở nhiều đoạn trong tác phẩm *Tam tổ thực lục*, tiêu biểu như: “Năm Giáp Thìn niên hiệu Hưng Long 12 (1304), vua đi khắp các chốn thôn quê, trừ bỏ dâm từ và dạy dân thi hành mười điều thiện.”<sup>7</sup> Phật hoàng Trần Nhân Tông nói riêng và Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử nói chung chủ trương tu chứng ngay giữa cõi đời. Phật hoàng cũng chủ trương dẹp bỏ những “dâm

từ” để chính thống văn hoá tín ngưỡng của nhân dân, đi sâu vào quần chúng nhân dân để giáo hoá họ hướng thiện. Điều này thể hiện tính hoà đồng, tốt đời đẹp đạo mang bản sắc dân tộc. Đây là việc làm có ý nghĩa vô cùng to lớn, góp phần vào việc ổn định xã hội, tạo nên một xã hội tốt đẹp hơn.

Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử còn góp phần vào việc loại trừ thiên tai hạn hán để đem lợi ích thiết thực cho nhân dân. Ở phần *Đệ nhị tổ* ghi: “Năm ấy hạn hán, vua xuống chiếu cho Sư cầu mưa, Sư sai Sa môn Thu Tử cầu đảo, được ứng nghiệm.”<sup>8</sup> Đây là đóng góp quan trọng đối với xã hội, nó cũng thể hiện tinh thần trọng dân của dòng thiền, thể hiện vai trò và trách nhiệm đối với xã hội, đem lại lợi ích cho cộng đồng.

#### + Tinh thần hộ quốc an dân

Tinh thần hộ quốc an dân được thể hiện thông qua việc các Tổ tham dự vào vào việc chính sự của đất nước. Trong sách *Tam tổ thực lục* cũng ghi lại những sự kiện này: Ở phần *Đệ nhất tổ* có đoạn chép: “Được mấy năm, lại vân du ra bên ngoài, đến trại Bồ Chính, xem quẻ bói rồi dựng am Tri Kiến để ở”<sup>9</sup>. Đây là điểm khởi đầu của chuyến du thuyết đi sang Chăm Pa vào năm 1301 của Phật hoàng, rồi giao hảo với vua Chăm Pa là Chế Mân. Để sau đó gả công chúa Huyền Trân cho vua Chăm Pa, rồi nhận được hai châu Ô Lý làm của hồi môn. Điều này cũng góp phần mở mang lãnh thổ đất nước Đại Việt. Ở phần *Đệ nhị tổ* cũng có đoạn chép về việc Pháp Loa vào kinh để chúc mừng: “Ngày 26, Sư lên kinh đô chúc mừng Thái Thượng hoàng đi đánh dẹp bọn mán Đà giang trở về”<sup>10</sup>. Chi tiết này cho thấy Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử không chỉ tu tập đạo thông thường, mà còn

có trách nhiệm với các sự kiện trọng đại của đất nước. Trong lúc nguy nan hay trong những ngày mừng của đất nước, đều có sự góp mặt của những người đại diện cho dòng thiền.

+ *Tinh thần dung hoà Tam giáo - hoà hợp dân tộc*

Tinh thần dung hoà Nho, Phật, Đạo là tư tưởng đặc trưng của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử, tư tưởng này cũng đem đến sự hoà hợp dân tộc. *Tam tổ thực lục* là cuốn sách mang tinh thần Phật giáo xuyên suốt tác phẩm, tuy nhiên ở một số đoạn trong tác phẩm cũng nhắc đến các nhân vật tiêu biểu của Nho giáo, Đạo giáo. Ngoài ra còn có những câu văn được dẫn từ các sách kinh điển của Nho giáo và Đạo giáo. Ở phần *Tổ gia thực lục* 祖家實錄, khi nói về sự sáng dạ của Huyền Quang, có đoạn viết: “Tổ nghe một biết mười, có tài của Á thánh Nhan Tử nên gọi là Tải Đạo”<sup>11</sup>. Câu này nhắc đến Nhan Tử, đây là một học trò xuất sắc của Khổng Tử, là người rất nổi tiếng trong Nho giáo. Nó được dẫn điển trong sách *Luận ngữ* của Nho gia, có lần Khổng Tử hỏi học trò Tử Cống rằng: “Người và Nhan Hồi ai giỏi hơn?” Tử Cống thưa: “Con sao dám so với anh Hồi? Anh Hồi nghe một biết mười, Tử này nghe một chỉ biết có hai”<sup>12</sup>. Hoặc ở phần sau đó, Huyền Quang ngâm theo điệu *Tây giang nguyệt*, 西江月 có câu rằng: “Xưa khen con hiếu có Tăng Sâm”<sup>13</sup>. Câu này cũng nhắc đến Tăng Tử, đây là một học trò xuất sắc của Khổng Tử, cũng là người nổi danh chính thống của Nho giáo sau này.

Màu sắc Đạo giáo cũng xuất hiện trong tác phẩm, trong *Tổ gia thực lục* có đoạn: “Một hôm, vua bảo với quan hầu cận, tặng

quan và đạo sĩ rằng: “Con người ta sống trong khoảng trời đất vốn công khí âm và âm khí dương...”<sup>14</sup>. Ở đoạn trên, chúng ta thấy xuất hiện bóng dáng của Đạo sĩ, đây là những người theo Đạo giáo, họ cũng được tham dự vào việc triều chính ở trong triều đình cùng các quan lại và tăng quan. Chi tiết này cũng cho thấy rằng các vua triều Trần dung hoà trong việc trọng dụng những người của cả ba đạo: Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo. Nó cho thấy một nền chính trị khá cởi mở lúc đó. Câu văn “công khí âm âm khí dương” cũng được dẫn ra trong sách *Đạo đức kinh* 道德經 của Lão Tử. Ở phần *Đạo Hoá* chương 42 sách *Đạo đức kinh* có đoạn viết: “Vạn vật công khí âm và âm khí dương”<sup>15</sup>. Đoạn này cho thấy tinh dung hoà giữa Phật giáo và Đạo giáo, không có sự phân biệt gì. Ngoài ra, trong tác phẩm cũng có những câu nhắc đến điển tích của Đạo giáo: chim bằng, ngọc rồng, lò thần tiên...

Tinh thần hoà hợp tam giáo trong tác phẩm là rất quan trọng, bởi lẽ nó thể hiện rõ tư tưởng của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Và hơn hết, tinh thần ấy còn góp phần thúc đẩy sự hoà hợp dân tộc.

## 6.2. Giá trị văn hoá Phật giáo

Qua sách *Tam tổ thực lục* có thể thấy văn hoá Phật giáo vào thời Trần phát triển rất rực rỡ. Có rất nhiều các ngôi chùa, tháp, am cổ nổi tiếng được xây dựng vào thời Lý - Trần được sách ghi lại: chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà, chùa Tư Phúc, chùa Phổ Minh, chùa Sùng Nghiêm, chùa Báo Ân, chùa Tú Lâm, chùa Vân Yên, chùa Chân Giáo, chùa Lễ Vĩnh, chùa Phổ Từ, chùa Bảo Sơn Vương, chùa Quỳnh Lâm, chùa Thanh Mai, chùa Côn Sơn, chùa Thiên Linh, chùa Báo Thiên, chùa Hiến

Linh Diên Quang, chùa Xí Thịnh Quang, chùa Phổ Quang, chùa Thiên Quang, chùa Hoa Vân, chùa Ngọc Hoàng, chùa Đại Bi, tháp Thắng Tư Thiên, tháp vàng Huệ Quang, am Tri Kiến,... Những địa điểm này nằm ở nhiều tỉnh thành trong cả nước: Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Nam Định, Quảng Ninh, Hải Dương, Quảng Bình,... Trong sách còn ghi việc Pháp Loa đã “cho dựng hơn 100 ngôi chùa” vào năm Hưng Long thứ 21 (1313). Điều này cho thấy văn hoá Phật giáo vào thời Trần có ảnh hưởng rộng rãi trên khắp cả nước. Có những ngôi chùa trong sách ghi còn chưa từng được biết đến, thì đây cũng là những gợi mở ban đầu để nghiên cứu: chùa Xí Quang Thịnh, chùa Bảo Sơn Vương,...

Sự phát triển lớn mạnh của văn hoá Phật giáo thời Trần còn thể hiện ở chỗ, nó được sự ủng hộ của rất nhiều người, từ vua quan đến dân chúng đều rất mộ đạo. Để rồi, mỗi khi xây dựng chùa họ đều công đức rất nhiều của cải: “Khi Sư xây dựng chùa thì từ vua đến thứ dân đều công đức, vàng bạc của cải nhiều không kể xiết”<sup>16</sup>. Những lúc có sự kiện quan trọng của Phật giáo như thuyết pháp giảng kinh thì vua quan đều đến dự: “Lúc này, vua Anh Tông ngự giá đến chùa. Mọi người chia ngôi chủ khách. Vua Anh Tông là đại đàn việt của Phật pháp, cho nên đứng vào vị trí khách trên pháp đường. Tể chấp cùng các quan đứng dưới sân.”<sup>17</sup> Hơn thế nữa, vua Anh Tông còn đích thân chích máu để viết kinh. Lúc Pháp Loa ốm thì đích thân vua đến thăm, sai Thái y đến xem bệnh cho. Vua còn ban ruộng và nông phu để cung cấp lương thực cho nhà chùa: “Lại ban cho 80 mẫu ruộng tốt ở làng An Định cùng nông phu để cung

cấp lương thực cho chúng tăng”<sup>18</sup>. Không chỉ vua, các quan lại cũng rất mến mộ đạo Phật: “Thống chính Thái sư đã hiến tặng trang Tân Lang để làm tài sản thường trụ cho chùa Siêu Loại”<sup>19</sup>. Hoàng phi và công chúa cũng rất tôn sùng đạo Phật, họ cũng thường mời các sư thụ giới cho: “Ngày 15 tháng 3, Sư phụng chiếu truyền thụ giới Bồ Tát xuất gia cho Chiêu Từ Hoàng Thái phi. Tháng 8, Sư truyền giới xuất gia cho công chúa Tuyên Chân, là con gái của Quốc phụ Thượng tể. Tháng 9, Sư truyền giới xuất gia cho công chúa Lệ Bảo”<sup>20</sup> ... Những chi tiết trên cho thấy văn hoá Phật giáo đã có ảnh hưởng sâu sắc từ thành thị tới nông thôn, từ triều đình tới dân chúng trong cả nước. Thông qua tác phẩm có thể thấy được Phật giáo nước ta nói chung và Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử nói riêng vào thời Trần phát triển đến đỉnh cao, đây có thể xem là thời kỳ huy hoàng của Phật giáo nước ta. Thành tựu này có được cũng nhờ một phần sự nỗ lực không biết mệt mỏi của ba vị tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Có thể nói vào thời Trần văn hoá Phật giáo giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội, từ triều đình đến địa phương đâu đâu cũng tôn sùng đạo Phật.

### 6.3. *Giá trị văn học*

*Tam tổ thực lục* là cuốn sách ghi về những câu chuyện của các vị cao tăng, tuy nhiên nội dung sách có nhiều chi tiết, tình huống mang giá trị văn học đích thực.

+ *Cách xây dựng mối quan hệ giữa các Tổ*

Cách dẫn dắt câu chuyện tài tình trong mối tương quan giữa các Tổ cũng làm tăng thêm sự hấp dẫn trong tác phẩm, đây cũng là chi tiết mang tính văn học cao. Mối quan hệ giữa các Tổ mang tính nhân duyên, ngầm

khé hợp. Giữa các Tổ như có một sợi dây vô hình màu nhiệm liên kết với nhau rất chặt chẽ. Ví dụ như đoạn ghi về sự gặp gỡ giữa Điều Ngự và Pháp Loa: “Khi xa giá của Điều Ngự đến sông Nam Sách, thì Sư đang đi chơi xa, bỗng cảm thấy tâm thần phiền muộn liền quay về, quả nhiên thấy Điều Ngự đến thôn của mình, liền làm lễ xin xuất gia. Điều Ngự trông thấy Sư lấy làm lạ, nói rằng: Đứa trẻ này có đạo nhân, về sau ắt sẽ là pháp khí”<sup>21</sup>. Đây có lẽ là sự giao cảm thần kì giữa hai thánh tăng. Trong đoạn hội ngộ giữa Pháp Loa và Huyền Quang cũng vậy, các Tổ cũng có sự đồng điệu: “Lúc Tổ theo vua đến chùa Vĩnh Nghiêm huyện Phụng Nhãn, nhìn thấy Quốc sư Pháp Loa đang hành pháp như thấy được duyên xưa, bùi ngùi than thở rằng: làm quan lên Bồng Đảo, đắc đạo đến Phổ Đà, trên nhân gian là cõi tiên, cảnh giới Tây thiên là cõi Phật. Vinh hoa phú quý chỉ như lá đỏ mùa thu, mây trắng ngày hạ, sao phải lưu luyến mãi vậy? Nhân đó, nhiều lần dâng biểu từ chức để xuất gia tu hành học đạo”<sup>22</sup>. Dường như có thần giao cách cảm liên kết giữa các Tổ, để rồi khi gặp nhau thì như gặp được duyên tiền định. Mối quan hệ giữa Phật hoàng Trần Nhân Tông và Huyền Quang cũng rất khăng khít, ở lần gặp đầu tiên ở chùa Báo Ân, Phật hoàng đã cho Huyền Quang làm thị giả cho mình. Những lần sau đó, lại cho Huyền Quang biên soạn *Chư phẩm kinh*<sup>23</sup> 諸品經 và *Công văn tập* 攻文集, hơn nữa còn phê vào *Thích khoa giáo* 釋科教 rằng: “Sách đã qua tay Huyền Quang soạn, một chữ không thể thêm, một chữ không được bớt”<sup>24</sup>. Chi tiết này thể hiện sự tin tưởng tuyệt đối của Phật hoàng đối với Huyền Quang. Chỉ riêng lời nhận xét này cũng đủ thấy được tầm vóc và tài năng của Huyền Quang.

Không chỉ đồng điệu trong tư tưởng, cả ba Tổ sư đều có chung một nhiệm vụ, một lý tưởng cao cả: “Từ đó, Điều Ngự cùng Pháp Loa và Huyền Quang, ba Thiền sư đi khắp các chùa danh lam trong nước”<sup>25</sup>. Đoạn văn này cho thấy ba Tổ có tương đồng trong hành động, trong việc thuyết pháp giảng kinh và giáo hoá chúng sinh. Sự thấu hiểu đồng điệu giữa các Tổ có lẽ là dụng ý của tác giả để làm cho câu chuyện thêm li kì, hấp dẫn và tạo nên sự gắn kết chặt chẽ giữa các đoạn trong tác phẩm. Đây cũng là một trong những thành công của tác phẩm.

#### + Cách xây dựng tình huống và nhân vật

Xây dựng tình huống và nhân vật là đặc điểm quan trọng trong sáng tác văn học. Nó là hoàn cảnh đặc biệt mà ở đó tư tưởng quan điểm của tác giả được bộc lộ, tính cách, số phận, suy nghĩ của nhân vật cũng được thể hiện rõ nét. Truyện *Tổ gia thực lục* trong sách *Tam tổ thực lục* ghi về Tổ Huyền Quang quả thật là đỉnh cao về cách xây dựng nhân vật thời Trần. Các tình huống diễn ra trong truyện cũng vô cùng khéo léo và hấp dẫn, đặc biệt là những tình huống giăng bẫy của Điem Bích đối với Huyền Quang. Tuy nhiên, Huyền Quang không hề bị lay động trước nhan sắc, cử chỉ và lời nói của Điem Bích, trái lại ông còn nhận thấy con người này không có ý cầu đạo nên khéo đuổi về. Nhưng Điem Bích cũng không phải là người tầm thường, nàng không dễ dàng chịu thất bại như thế, vì vậy liền nghĩ ra một gian kế để đánh lừa Huyền Quang. Nàng nghĩ ra một câu chuyện thương tâm, thống thiết như sau: “Thiếp vốn là con nhà gia tộc lớn ở Đường An, gia truyền học thi lễ, nhiều đời đỗ đạt

làm tướng. Cha thiếp được giữ chức tập ấm làm Huyện thừa huyện Cẩm Hoá đạo Ninh Sóc. Mùa trung thu thuế ngạch ruộng năm ấy được 115 dật vàng, đem cất ở trong túi, rồi mang về kinh đô nộp vào trong kho. Trên đường đi ông nghỉ ở phố thuộc phố Toán Viên phủ Bắc, bị kẻ gian thông đồng lập mưu cướp gần hết, không biết lấy gì để nộp. Ông liền viết đơn trình bày với Bộ Hộ, quan ở Bộ Hộ thương tình cho hẹn đến cuối năm sẽ mang đủ số vàng đến nộp. Nếu như quá hạn, sẽ gửi tấu lên triều đình, vợ con điền sản sẽ sung công hết. Do đó, thiếp phải đi phổ khuyến thập phương ở các lộ châu phủ huyện, từ nhà giàu đến nhà nghèo công đức của cải, đồng thời bán hết gia tài điền sản, nhưng vàng vẫn còn thiếu. Nghe nói Tôn sư là người đạo cao đức trọng, có lòng từ bi, cho nên thiếp mới hỏi đến đây. Đợi lúc thông dong nhân nhã, thiếp mới bày tỏ sự tình, xuất trình thư phổ khuyến, mong được công đức. Nếu may mắn được một phần trong muôn phần, thì chẳng những cha thiếp được miễn tội mà toàn thể nam nữ trong gia đình thiếp cũng được giải thoát. Đây là chỗ mà người xưa bảo là sinh tử cốt nhục vậy”<sup>26</sup>. Ở lần thứ hai này, Điểm Bích dùng mưu kế đánh vào lòng từ bi của Huyền Quang, Huyền Quang vốn là người nhân từ nên bị trúng kế. Cách xây dựng tình huống này đặc tả được tính cách đối lập của hai nhân vật chính trong truyện là Huyền Quang và Điểm Bích, đúng như nhận xét của Trần Thị Yên Trinh: “Một nàng Điểm Bích tài hoa nhưng không đoan chính, một Huyền Quang lịch lãm, trung hiếu, trầm tĩnh, nhân từ.”<sup>27</sup> Để đạt được mục đích của mình thì Điểm Bích không từ thủ đoạn nào. Đúng lúc mọi người lo lắng

cho Huyền Quang, tưởng rằng nỗi oan ức của Huyền Quang sẽ không thể gột rửa được, thì trời Phật đã giúp ông: “Đến sáng sớm hôm sau, Sư vào trong đàn tràng, thấy bốn bên bọc lụa vàng phô trương, trên bàn nhất loạt bày biện các tạp vật cùng hương đăng lục cúng. Sư biết sự việc ngày trước là do cung nữ thử, bèn ngửa mặt lên trời than thầm, rồi lên đàn ba lần, xuống đàn ba lần. Sư đứng giữa đàn, vọng bái thánh hiền mười phương. Tay trái cầm bình ngọc trắng, tay phải cầm cành liễu xanh, thầm tụng niệm tẩy sạch trên dưới trong ngoài hội đàn. Bỗng thấy một đám mây đen xuất hiện từ phía đông nam, bụi bay mù mịt khắp trời. Được một lát thì ngừng lại, các bàn tạp vật bay đi hết, chỉ còn hương đăng lục cúng. Các đạo tràng và những người xem hội đều kinh sợ thất sắc. Vua thấy hạnh pháp của Sư thông đạt thấu cả trời đất, liền rời chiếu pháp, bái lạy tạ lỗi”<sup>28</sup>. Tình huống trong truyện mang đậm chất hư cấu, tuy nhiên đây là tình huống có giá trị, nó giúp cởi bỏ được những nút thắt xung đột trước đó, minh oan được cho người lương thiện, trả lại sự trong sạch cho Huyền Quang. Hình ảnh Huyền Quang “tay trái cầm bình ngọc trắng, tay phải cầm cành liễu xanh” làm gợi nhớ đến hình ảnh của Quán Thế Âm Bồ Tát, đây là hình ảnh tượng trưng cho sự cứu nhân độ thế. Tác giả thật thông minh và khéo léo khi lồng ghép hình ảnh này vào nhân vật Huyền Quang, làm cho nhân vật trở lên gần gũi hơn và thiêng liêng hơn. Những chi tiết trong đoạn văn cho thấy tấm lòng lương thiện của Huyền Quang cảm động đến cả trời đất. Mặc dù đây là tình huống hư cấu nhưng nó đã gây xúc động cho biết bao

nhiều thế hệ, được nhiều học giả đánh giá cao. Nguyễn Đăng Na có nhận xét về việc xây dựng tình huống truyện này như sau: “Mặc dù là văn học chức năng tôn giáo, tác giả của nó vẫn chú ý xây dựng cốt truyện với nhiều tình huống éo le, li kì và hấp dẫn. Tính cách nhân vật cũng được khắc hoạ rõ nét. Song, để phục vụ cho chức năng tôn giáo - đề cao phẩm hạnh của nhân vật, tác giả lại “vi phạm” mục đích biên soạn “thực lục” - chép đúng sự thực. Người viết đã thần thánh hoá nhân vật bằng những yếu tố kì ảo. Vì thế tác phẩm đã vượt khỏi chức năng tôn giáo, tiến gần tới văn học đích thực”<sup>29</sup>. Đây là lời khẳng định cho sự thành công của tác phẩm trong việc xây dựng tình huống truyện đặc sắc trong văn học đời Trần.

+ *Ảnh hưởng của tác phẩm đến văn học đời sau*

Hình tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông có ảnh hưởng rất lớn trong văn học trung đại, đặc biệt là trong *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* 竹林宗旨元聲 của Ngô Thi Nhậm, Vũ Trinh, Nguyễn Đăng Sở và các bài *tựa, bạt, tán* của các tác giả: Trần Quang Chi, Dư Đĩnh, Tăng Khải, Lâm Phục, Phở Hiệp, Đức Thủy, Viên An Chi, Ngô Đại Tiết, Tây Bích,... Về các bài *tựa, bạt, tán* thì các tác giả đều lấy đề tài là bức tranh “Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn đồ” do họa sĩ Trần Giám Như vẽ vào những năm 60 của thế kỉ XIV. Bức vẽ này mô tả hình ảnh Trúc Lâm Đại Sĩ xuống núi truyền tâm giới Bồ Tát cho vua Trần Anh Tông vào năm 1304, sách *Tam tổ thực lục* cũng ghi sự kiện này: “Mùa đông năm ấy (1304), Anh Tông dâng biểu mời vua vào Đại nội truyền thụ tại gia tâm giới Bồ Tát”<sup>30</sup>. Các bài *bạt, tán* này được Nguyễn Nam nghiên

cứu và dịch chú trong bài viết “Bóng hình để lại - Trúc Lâm Đại Sĩ xuất sơn đồ”, chúng tôi xin trích dẫn một bài:

***Bài tán về bức tranh Trúc Lâm Đại sĩ ra khỏi núi***

Tốt thay bậc chí nhân  
 Ứng hoá hiển hiện không cố định  
 phương nào  
 Tuỳ theo loại mà giáo hoá  
 Chẳng có tình cũng bao dung  
 Bậc Trúc Lâm Đại sĩ  
 Sinh ở nước Nam  
 Làm vua trị nước  
 Chính trị nhân ái như biển chứa  
 Khi nhân từ khi uy nghiêm  
 Tuỳ trường hợp mà thay đổi  
 Chợt bỏ vinh hoa ở đời  
 Xuất gia tu hành  
 Dừng nghỉ núi động  
 Cảnh và trí dung thông nhau  
 Tâm linh toả sáng  
 Giác ngộ tâm tông Phật pháp  
 Thông tay vào chợ  
 Theo hoàn cảnh mà phóng khoáng  
 Tác động đến toàn thể sự vật  
 Nổi sóng lên trời  
 Tự xưng là Thiết Chuỷ  
 Miệng lưỡi như sấm vang  
 Biện luận huyền cơ màu nhiệm  
 Ma ngoài khiếp sợ tan biến  
 Giáo pháp chỉ thẳng truyền riêng  
 Rộng mở tông môn pháp phái  
 Thiên lâm ở bản xứ  
 Tôn sùng làm tổ đầu tiên  
 Là cháu xa trong tông phái của Hà Trạch

Mạch nguồn của Đại sĩ nối thế hệ  
 Như Phật xuất thế  
 Lạ thay vị sư này  
 Ghánh vác giáo pháp lớn  
 Nhàn nhả tiêu du trong cõi nhân gian  
 Cứu độ chúng sinh làm nghiệp  
 Kẻ thấy người nghe  
 Sống chết tâm buông hết  
 Lớn thay sáng tỏ  
 Như trăng giữa các vì sao  
 Ta làm bài tán tụng Đại sĩ  
 Như muôn hình tượng cùng nhảy múa  
 Buông bút một cái  
 Tự nhiên cắt đứt xưa nay

**竹林大士出山相圖贊**

猗歟至人，應現無方  
 隨類攝化，非情識量  
 竹林大士，誕生交南  
 為王治國，仁政海涵  
 或慈或威，隨宜權變  
 忽捐世榮，出家修鍊  
 栖遲巖竇，境智俱融  
 靈源煥發，悟佛心宗  
 垂手入塵，任運放曠  
 全體作用，起滔天浪  
 自稱鉄嘴，霹靂為舌  
 神機玄辯，魔外膽裂  
 直指單傳，廣闢門戶  
 在處禪林，崇位鼻祖  
 荷澤遠孫，其派有系  
 國人欽敬，如佛出世  
 異哉此師，擔荷大法  
 優游閻浮，度生為業  
 見者聞者，生死心歇  
 碩大光明，眾星中月

我為之贊，萬眾作舞  
 擲毫一點，頓絕今古  
 永樂歲次癸卯冬至後一日潭柘退隱  
 日東沙門惠始。

Nhật Đông Sa môn Đức Thủy lui ẩn về  
 Đàm Giá viết sau đồng chí một ngày năm  
 Quý Mão niên hiệu Vĩnh Lạc (1423).

(Theo *Bóng hình để lại - Trúc Lâm Đại Sĩ xuất sơn đồ*, Nguyễn Nam dịch chú)<sup>31</sup>

Hình tượng Pháp Loa trong *Tam tỏ thực lục* cũng có nhiều ảnh hưởng trong văn học trung đại. Trong tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, cũng phác họa vắn tắt hình ảnh của Đệ nhị tổ:

Pháp Loa tôn giả biệt hiệu Thừa Lai<sup>32</sup>, người Nam Sách tỉnh Hải Dương. Từ nhỏ hiếu học, có đạo cốt, hiểu rõ tôn chỉ của Phật Như Lai. Khi Điều Ngự hoàng nhường ngôi xuất gia, gặp Pháp Loa đưa về, lòng rất mừng vui, dắt lên núi thuyết pháp, cùng nhau giảng Truyền đăng lục, tặng chúng trong viện, bọn đồ đệ tôn làm Trúc Lâm đệ nhị tổ. Kệ rằng:

Hiện hiện rộng khắp,  
 Linh thiêng long xà.  
 Biến ảo vô cùng,  
 Tổ ta Pháp Loa.

法螺尊者，別號乘來，海陽南策人。有道骨，少好學，默會如來宗旨。時調御覺皇遜位出家，得法螺歸來，乃出歡喜，攜上山說法，相與講《傳燈錄》，園家僧徒等尊為竹林第二祖。偈云：

乃譜憑顯，  
 靈龍靈蛇。  
 變幻無窮，  
 我祖法螺。

(Theo *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, Lâm Giang dịch, 2016)

Hình tượng Huyền Quang cũng có ảnh hưởng lớn tới văn học về sau, đặc biệt là câu chuyện giữa Huyền Quang và Điềm Bích. Câu chuyện này thật sự li kì và hấp dẫn, nó đã trở thành đề tài sáng tác của rất nhiều các danh sĩ: Ngô Thi Sĩ, Phạm Đình Hồ, Nhữ Công Chân, Nguyễn Hoàn, Ninh Tôn, Lê Quý Đôn, Nguyễn Khuyến... Các tác giả đã lấy đề tài Huyền Quang - Điềm Bích để sáng tác thơ văn, câu chuyện trên thật sự đã trở thành dòng mạch cảm hứng bất tận, đây thật sự là một hiện tượng trong văn học trung đại Việt Nam. Về đề tài này, vào thế kỉ XVII, Lê Quý Đôn làm bài thơ *Thoại Huyền Quang sư di Tam Nương tử kim sự* rất tinh tế và sâu sắc:

#### Kể về việc nhà sư Huyền Quang cho Điềm Bích vàng

*Khoác áo cà sa quên hết mà,  
Lạc Thần vô kế bận nhà tu.  
Hương ngoài phận, phấn son là lụa,  
Sắc giữa không, thơ quyển âu trà.  
Đắc đạo hẳn nên nêu Lục Tổ,  
Truyền danh âu chẳng hủ nàng Ba.  
Hàn Than, Vô Kỹ làm chi nhĩ,  
Luống để cười chê mãi thế a!*

#### 話玄光師遺三娘子金事

一掛袈裟萬念忘,  
落神無計絆陳王。  
茶甌詩卷空中色,  
鉛粉羅衣分外香。  
得道不應標六祖,  
傳名亦不朽三娘。  
寒灘無已何為者,  
貽臭令人笑話長。  
(Đỗ Văn Hỷ - Băng Thanh dịch)<sup>33</sup>

Đến thế kỉ XIX, Tam nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến cũng vương vấn với câu chuyện trên và làm bài thơ *Vịnh Huyền Quang* tuyệt hay:

#### Vịnh Huyền Quang

*Đúng bậc phi phạm vượt thế nhân,  
Đốc đem pháp lực đập quân thân.  
Không màng trước lộ vòng dây trời,  
Vào chốn rừng sâu luyện tính chân.  
Vượn hạc chung nguyên thành đạo lớn,  
Gió trăng kết bạn dưỡng thân nhân.  
Trả vàng chi uống mưu người đẹp,  
Tiên cảnh nguyên không nhuộm bụi trần.*

#### 詠玄光

拔俗超群一等人,  
好憑法力謝君親。  
肯將好爵爲身累,  
長往深山煉性真。  
誓與鶴猿多證果,  
鄰多風月伴閒身。  
美人莫作還金計,  
仙景原來不染塵。  
(Ngô Linh Ngọc dịch)<sup>34</sup>

#### 6.4. Giá trị sử liệu

Giá trị sử liệu có vai trò không thể thiếu đối với một tác phẩm thực lục. Có những ghi chép trong tác phẩm có thể bổ sung cho việc tìm hiểu về lai lịch hành trạng của tác phẩm, thậm chí có thể bổ sung cho chính sử. Trong phần ghi về Tô Trần Nhân Tông, có đoạn viết: “Không lâu sau, vua truyền ngôi cho Anh Tông. Đến tháng 10 năm Kỉ Hợi niên hiệu Hưng Long 7 (1299), vua lên núi Yên Tử chuyên cần tu mười hai hạnh đầu đà, tự lấy hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà. Vua lập Chi Đề Tĩnh xá, giảng pháp độ tăng, người đến học

rất đông. Sau đó, mời các nhà sư nổi tiếng đến chùa Phổ Minh phủ Thiên Trường lập ra trường giảng. Được mấy năm, lại vân du ra bên ngoài, đến trại Bồ Chính, xem quẻ bói rồi dựng am Tri Kiến để ở. Năm Giáp Thìn niên hiệu Hưng Long thứ 12 (1304), vua đi khắp các chốn thôn quê, trừ bỏ dâm từ và dạy dân thi hành mười điều thiện.”<sup>35</sup> Đoạn này mang giá trị lịch sử cao, nhờ có những ghi chép ấy mà hậu thế biết được chính xác những việc làm quan trọng của Phật hoàng trong việc giáo hoá dân chúng và hoàng dương đạo pháp.

Giá trị sử liệu của sách *Tam tổ thực lục* cũng được thể hiện nhiều ở phần ghi về Đệ nhị tổ Pháp Loa. Ở phần này tác giả dùng phương pháp viết sử biên niên để ghi về hành trạng của Tổ sư. Đọc đến đây chúng ta thấy như đang được đọc một cuốn sử thật sự, đây là điều hết sức thú vị và lời cuốn. Các sự kiện diễn ra tuần tự, rõ ràng, theo trình tự từ trước đến sau: “Năm Tân Hợi niên hiệu Hưng Long thứ 19 (1311), Sư phụng chiếu tiếp tục khắc *Kinh Đại tạng*... Tháng 11 năm Nhâm Tý niên hiệu Hưng Long thứ 20 (1312), vua Anh Tông thỉnh Sư vào trong chùa Tư Phúc giảng *Đại Tuệ ngữ lục*... Ngày mùng 1 tháng 2 năm Quý Sửu niên hiệu Hưng Long thứ 21 (1313), Viện chủ Na Già là tổ Long Đàm thỉnh Sư đến chùa đó để giảng *Thiền Lâm thiết chủ ngữ lục*, *Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục* và *kinh Duy Ma*. Tháng 9, Sư phụng chiếu đến chùa Vĩnh Nghiêm ở Lạng Giang để quy định chức Tăng trong nước... Năm Giáp Dần niên hiệu Đại Khánh nguyên niên (1314), Thái Thượng hoàng lên ngôi, cho đúc tượng Phật tam tôn ở chùa Siêu Loại, cao 17 thước; đồng thời cho xây dựng điện Phật, gác chuông, tàng kinh các, tăng đường, gồm 33 cơ sở, Sư đều đặt tên...”<sup>36</sup>. Nhờ

những ghi chép này mà chúng ta biết được những công lao của Tổ Pháp Loa. Đồng thời hậu thế biết được những công trình kiến trúc, những điện Phật, tượng Phật được xây dựng trong thời gian nào? Ở địa điểm nào? Ai là người xây dựng? Hay những cuốn *Kinh Đại tạng* được khắc trong thời gian nào? Ai là người khắc? Tất cả phần ghi về Tổ sư Pháp Loa đều viết thống nhất theo phương pháp viết sử biên niên, tạo lên sự tin tưởng chân xác của những sự kiện.

### 6.5. Giá trị giáo dục

Sách *Tam tổ thực lục* ghi chép về hành trạng của ba Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Có nhiều việc làm của các tổ trong tác phẩm mang tính giáo dục sâu sắc, cho đến tận ngày hôm nay vẫn còn nguyên giá trị.

+ *Đối với Trần Nhân Tông*: Ông để lại giá trị về tinh thần trọng dân, mong muốn đem lại hạnh phúc cho nhân dân, giáo hoá dân làm việc thiện. Quan điểm này được tiếp thu từ quan điểm của Khổng Tử, Mạnh Tử trong Nho giáo.

Trần Nhân Tông “tỏ ra rất có ý thức trong việc xây dựng và củng cố một giáo hội Phật giáo thống nhất”<sup>37</sup>, vì thế ông đặc biệt quan tâm đến việc tìm người nối pháp. Sau khi gặp Pháp Loa ở Nam Sách, ông đã nhận ra Pháp Loa có khả năng đảm nhiệm trọng trách dẫn dắt đạo Thiền trong tương lai. Từ đó ông hết lòng dạy bảo và bồi dưỡng để Pháp Loa trở thành người nối pháp. Để hợp thức hoá vai trò này, Trần Nhân Tông đã tổ chức lễ ra mắt, trao truyền pháp y rất trang trọng, có sự chứng kiến của vua Anh Tông, các quan lại và rất nhiều sư tăng. Buổi lễ này nhằm giới thiệu người lãnh đạo Giáo hội mới trong tương lai. Lễ trao truyền này diễn ra vào ngày mùng 1 Tết năm Hưng Long thứ 16 (1308):

“Điều Ngự lên toà thuyết pháp. Nói xong, liền xuống đất Pháp Loa lên toà đứng đối diện, chấp tay thăm hỏi. Pháp Loa bái lạy đáp lễ, nhận pháp y Điều Ngự trao cho mặc lên người. Điều Ngự lại sang cạnh bên ngồi ở giường khúc lục nghe Pháp Loa thuyết pháp. Sau đó lệnh cho Pháp Loa kế nhiệm trụ trì chùa Siêu Loại ở sơn môn Yên Tử, làm tổ đời thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm”<sup>38</sup>. Chính lễ ra mắt công khai minh bạch này đã giúp cho Pháp Loa có vị trí quan trọng trong Giáo hội, để về sau ông được sự ủng hộ nhiệt tình của vua quan và triều đình trong việc phát triển Giáo hội. Phương pháp chọn người kế vị của Trần Nhân Tông mang tính giáo dục sâu sắc. Nhân vật Phật hoàng Trần Nhân Tông trong tác phẩm giáo dục chúng ta về: tu tưởng trọng dân, phương pháp bồi dưỡng nhân tài và chọn người kế vị.

+ *Đối với Pháp Loa*: Ông là người trẻ tuổi tài cao, vượt trội hơn tất cả các đệ tử thân thiết khác của Trần Nhân Tông để được tin tưởng giao cho trọng trách lãnh đạo Giáo hội. Ông nhận thức rõ được trách nhiệm của mình, không ngừng cố gắng để hoàng dương đạo pháp, luôn có trách nhiệm và xứng đáng với vai trò lãnh đạo Giáo hội. Trong 22 năm lãnh đạo Thiền phái ông làm được rất nhiều việc: Cho xây dựng hàng trăm ngôi chùa, đúc hơn 1300 pho tượng Phật bằng đồng, viết các kinh sách, thụ giới cho hàng nghìn người xuất gia, cấp sổ tịch cho các tăng... Với vai trò là người lãnh đạo, ngoài việc siêng năng tận tâm với nhiệm vụ phát triển Giáo hội thì ông còn biết cách khích lệ thành viên khác chuyên tâm học đạo: “Su tiếp và nói với Huyền Quang rằng: “Di chúc của Điều Ngự người quên rồi sao?” Huyền Quang từ đây theo học, không rời một bước”. Có lẽ cũng nhờ có sự nhắc nhở

động viên kịp thời này mà Huyền Quang chuyên tâm học đạo, để về sau trở thành Tổ thứ ba của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Cuộc đời của Pháp Loa cũng để lại nhiều giá trị mang tính giáo dục: Ông luôn tận tâm hết lòng vì sự phát triển của Giáo hội, lao động không biết mệt mỏi và xứng đáng là người lãnh đạo Thiền phái, không phụ sự uỷ thác của người tiền nhiệm.

+ *Đối với Huyền Quang*: Tác phẩm thể hiện chức năng giáo dục thông qua việc tu dưỡng đạo đức của Huyền Quang. Huyền Quang là người có tấm lòng từ bi, khi bị Diêm Bích vu oan thì tấm lòng từ bi của Huyền Quang đã làm cảm động đến cả trời đất. Để rồi ông được minh oan, và rồi vua cũng phải tới bái lạy tạ lỗi, còn Thị Bích thì bị xuống làm nô tì. Câu chuyện của Huyền Quang trong tác phẩm cũng giáo dục chúng sinh về tính nhân quả, gieo nhân nào thì gặp quả ấy. Cái thiện sẽ thắng cái ác, Huyền Quang là người có đạo đức tốt đẹp thì sẽ được mọi người tin yêu ngưỡng mộ, còn Diêm Bích gian dối thì bị trừng trị.

Trong thực tế cuộc đời Huyền Quang cũng để lại giá trị giáo dục sâu sắc. Huyền Quang là người xuất gia muộn, năm 51 tuổi. Tuy nhiên, ông không ngừng tu dưỡng đạo đức, nỗ lực học hỏi để về sau trở thành Tổ thứ ba của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử, mặc dù năm đó ông đã 72 tuổi. Huyền Quang lớn tuổi hơn Pháp Loa nhiều, nhưng ông luôn khiêm nhường lắng nghe, học hỏi Pháp Loa. Chính sự ham học hỏi và cầu thị này mà ông đã đạt được những thành tựu lớn.

### Kết luận

Tóm lại, *Tam tổ thực lục* là tác phẩm quan trọng của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử là Phật giáo tiêu biểu của Việt Nam, là sản phẩm tinh thần của biết bao thế hệ thiền sư Việt Nam,

mà những người có công lao to lớn nhất chính là ba vị Tổ sư. Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử mang dấu ấn riêng của Phật giáo Việt Nam, trải qua gần một nghìn năm ra đời, tồn tại và phát triển, đến hôm nay đã có một vị trí quan trọng trong đời sống xã hội của người Việt. Trên khắp đất nước ta hiện nay có hơn bốn mươi Thiền viện Trúc Lâm và cũng có rất nhiều ngôi chùa thuộc dòng thiền này, điều đó cũng đủ chứng minh sự lớn mạnh và tầm ảnh hưởng của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Trong tương lai, chắc hẳn Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử sẽ còn phát triển mạnh mẽ hơn nữa để đáp ứng được sự mến mộ của Phật tử cả nước./\*

#### P.M.Đ

#### Chú thích và tài liệu tham khảo

\* Trân trọng cảm ơn PGS.TS Trịnh Khắc Mạnh đã góp ý cho bài viết.

1. *Tam tổ thực lục*, A.786, tr.1.
2. Thích Đồng Dưỡng (2018), *Các truyền bản Tam tổ thực lục*. Thư viện Huệ Quang. <https://thuvienhuequang.vn>
3. Nguyễn Huệ Chi (chủ biên, 1977), *Thơ văn Lý - Trần*, Tập 1, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.191.
4. Nguyễn Hữu Sơn (2021), “Lịch trình tiếp nhận *Tam tổ thực lục*”, *Nghiên cứu Văn học số 2*, tr.60 - 75.
5. Bài tựa sách *Tam tổ thực lục* bản in năm Thành Thái thứ 9 (1897) do Tỳ kheo Diệu Trạng viết, kí hiệu: A.2064.
6. Nguyễn Huệ Chi (chủ biên, 1987), *Thơ văn Lý - Trần*, Tập 2, q. Thượng, Viện Văn học, tr.28.
7. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.9.
8. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.46.
9. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.9.
10. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.56.
11. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.97.
12. *Luận ngữ* - Công Dã Trạng 8.
13. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.101.
14. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr. 103.
15. Nguyên văn: “萬物負陰而抱陽/Vạn vật công khí âm và ôn khí dương”.

16. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.102.
17. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.36
18. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.39
19. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.37
20. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.50
21. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.33
22. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.98
23. Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Văn Thanh và Nguyễn Thị Tú Mai trong bài “Chinese character variants in Vietnam’s Buddhist texts: A case study of the book Chư phẩm kinh (諸品經)”, *Journal of Chinese Writing Systems*, Volume 7, ISSUE 1, March, 2023, cho rằng: “*Chư phẩm kinh* 諸品經 do Thiền sư Pháp Loa (1284 - 1330) thu thập và biên tập, Thiền sư Huyền Quang (1254 - 1334) chỉnh lý và lưu truyền cho hậu thế”.
24. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.100
25. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.100.
26. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.109 - 110.
27. Trần Thị Yến Trinh (2011), *Nghiên cứu các truyện Thiền sư trong “Tam tổ thực lục”*, tr.109. Luận văn Thạc sĩ, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
28. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.116 - 117.
29. Nguyễn Đăng Na (giới thiệu và tuyển chọn) (1999), *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại* (tái bản lần 1), Tập I, NXB. Giáo dục, Hà Nội, tr.97.
30. *Tam tổ thực lục*, A.786, tr.9.
31. Nguyễn Nam (2012), “*Bóng hình để lại - Trúc Lâm Đại Sĩ xuất sơn đồ*”, Trung tâm Hán Nôm Huệ Quang, *Tạp chí Suối nguồn số 8*, NXB. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
32. Thừa Lai 乘來: Sách *Tam tổ thực lục* ghi là Thiện Lai 善來.
33. Trần Thị Băng Thanh (chủ biên, 2001), *Huyền Quang - cuộc đời, thơ và đạo*, NXB. Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, tr.171 - 173.
34. Trần Thị Băng Thanh (chủ biên, 2001), sđd, tr.189 - 190.
35. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.8 - 9.
36. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.40 - 43.
37. Nguyễn Tài Thư (chủ biên, 2021), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tr.214. NXB. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
38. *Tam tổ thực lục*, sđd, tr.36.